TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1145/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Trương Thị Kim Chọn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm: 1980 (Vắng mặt – Có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 3A, xã BH, huyện BC, Thành phố H.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Trúc L, sinh năm: 1980 (Vắng mặt);
Địa chỉ: ấp 3A, xã BH, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Q trình bày:

Ông và bà Trần Thị Trúc L sống chung với nhau từ năm 2008, do hai người tự tìm hiểu. Hai người có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu sống chung hai người sống rất hạnh phúc. Đến năm 2015, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân gây ra mâu thuẫn là do hai bên không tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn về tài chính. Hai người sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không thể hàn gắn được nên ông yêu được ly hôn với bà Trần Thị Trúc L.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trúc Xuân Tr, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Doãn Phúc B, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2013. Hiện nay trẻ Phúc B đang sống chung với ông. Trẻ Xuân Tr đang sống chung với bà L. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phúc B và bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Xuân Tr. Hai bên không thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Ông vẫn thường xuyên tạo điều kiện cho bà L chăm sóc, thăm nom trẻ Phúc B. Ông không cản trở bà L trong việc thăm nom con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Trúc L trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Q về quá trình sống chung, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng trong cách sống và sinh hoạt gia đình. Hai người đã sống ly thân hơn 1 năm nay. Hiện nay do ông Q thường xuyên cản trở việc thăm nom con của bà nên bà không đồng ý ly hôn với ông Q. Ông Q không cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung thì bà mới đồng ý ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trúc Xuân Tr, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Doãn Phúc B, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2013. Hiện nay trẻ Phúc B đang sống chung với ông Q. Trẻ Xuân Tr đang sống chung với bà. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Xuân Tr và ông Q trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phúc B. Hai bên không thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Xuân Q yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Trúc L. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã TK, huyện TM, tỉnh ĐT cấp ngày 27/04/2010, giữa ông Nguyễn Xuân Q và bà Trần Thị Trúc L là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời trình bày của ông Q thì đời sống chung vợ chồng của ông Q và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do hai bên không tôn trọng lẫn nhau, mâu thuẫn về tài chính. Bà L cũng xác định đời sống chung của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống và sinh hoạt gia đình nhưng bà không đồng ý ly hôn với ông Q do ông Q thường xuyên cản trở việc bà chăm sóc con đối với trẻ Phúc B.

Xét thấy, đời sống chung vợ chồng giữa ông Q và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xung đột cãi vã, không quan tâm chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để các bên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Bà L cũng thừa nhận trong quá trình sống chung, vợ chồng bà đã phát sinh rất nhiều mâu thuẫn. Bà L không đồng ý ly hôn với lý do ông Q thường xuyên cản trở bà chăm sóc con nhưng bà không có chứng cứ chứng minh. Hai người đã sống ly thân với nhau trong một thời gian dài. Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà L để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải lần 2, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà L cố tình vắng mặt không rõ lý do, điều này cho thấy bà L đã không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Xuân Q là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Ông Q và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Trúc Xuân Tr, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2011 và Nguyễn Doãn Phúc B, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2013. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Phúc B và bà L trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Xuân Tr; hai bên không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà L có cùng ý kiến với ông Q về con chung. Xét thấy, trẻ Phúc B hiện đang sống chung với ông Q và trẻ Xuân Tr hiện đang sống chung với bà L. Ông Q và bà L đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ khả năng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Phúc B cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Xuân Tr cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu bên còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q, bà L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận;

[4]. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân Q và bà Trần Thị Trúc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 35/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã TK, huyện TM, tỉnh ĐT cấp ngày 27/04/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Doãn Phúc B, giới tính nam, sinh ngày 02/4/2013 cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Trúc Xuân Tr, giới tính nữ, sinh ngày 30/7/2011 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của hai bên không yêu cầu bên còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Q và bà L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét. Trường hợp các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân Q phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0025175 ngày 25 tháng 4 năm

2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt